

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS đến năm 2030 (giai đoạn 2021-2024)

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/12/2022 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 14/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đánh giá Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS đến năm 2030 (giai đoạn 2021-2024).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hưng Yên; Giám đốc Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /m

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, AIDS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liên Hương

KẾ HOẠCH

**Đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt
dịch bệnh AIDS đến năm 2030 (giai đoạn 2021-2024)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2024)

Ngày 09/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó giao Bộ Y tế xây dựng “Đề án tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS tiến tới cơ bản chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 và đảm bảo kiểm soát dịch bệnh AIDS không tái bùng phát sau 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án).

Ngày 29/10/2024, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 7935/VPCP-KGVX về việc đồng ý điều chỉnh thời gian trình Chính phủ phê duyệt Đề án sau khi thực hiện đánh giá giữa kỳ thực hiện Chiến lược quốc gia.

Để có cơ sở xây dựng Đề án và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2025, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 (giai đoạn 2021-2024) với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định cụ thể các nội dung công việc, tiến độ, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 (giai đoạn 2021-2024) (sau đây gọi tắt là Đánh giá Chiến lược quốc gia giai đoạn 2021-2024).

b) Đánh giá việc thực hiện Chiến lược quốc gia giai đoạn 2021-2024 ở Trung ương và địa phương; xác định những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, bất cập và nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị các giải pháp cần đưa vào dự thảo Đề án.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm đánh giá đầy đủ theo các nhóm giải pháp, trách nhiệm được phân công trong Chiến lược quốc gia quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030.

b) Báo cáo đánh giá phản ánh được kết quả đã thực hiện giai đoạn 2021-2024, đồng thời phân tích được các khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân; đề xuất được các giải pháp cụ thể, khả thi làm cơ sở xây dựng Đề án.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA

1. Tổ chức thực hiện đánh giá:

a) Nội dung đánh giá:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục của Kế hoạch.

b) Cơ quan tổng hợp báo cáo: Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

c) Đơn vị thực hiện:

- Các Bộ, ban ngành: Bộ Công An, Bộ Lao động- Thương Binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội Vụ, Bộ Tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban dân tộc, Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương đoàn thanh niên cộng sản HCM, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

- Đơn vị thuộc Bộ Y tế: Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện Pasteur Tp Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, Bệnh viện Nhi trung ương, Bệnh viện Sản trung ương, Bệnh viện Da Liễu Trung ương, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương, Viện huyết học truyền máu trung ương;

- Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố: 63 tỉnh, thành phố.

d) Thời gian hoàn thành: 25/01/2025.

2. Xây dựng Báo cáo tổng hợp đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 (giai đoạn 2021-2024):

a) Nội dung:

- Tổng hợp dựa trên các báo cáo của các Bộ, ban ngành, các cơ quan trực thuộc Bộ Y tế và các tỉnh/ thành phố;

- Tổ chức xin ý kiến góp ý qua văn bản, các cuộc họp, hội thảo;
- Hoàn thiện Báo cáo tổng hợp đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 (giai đoạn 2021-2024).

b) Cơ quan chủ trì: Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

c) Cơ quan phối hợp: Các Bộ ngành, Các cơ quan trực thuộc Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố.

d) Thời gian thực hiện: Tháng 02 - 04/2025.

3. Cập nhật ước tính và dự báo dịch HIV/AIDS ở Việt Nam:

a) Nội dung đánh giá:

- Ước tính tỷ lệ hiện nhiễm, dự báo chiều hướng dịch trong quần thể dân cư nói chung cũng như các nhóm quần thể có nguy cơ cao, tác động của dịch HIV/AIDS;

- Dự báo khả năng đạt mục tiêu chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030; đề xuất kịch bản “chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030” và lựa chọn can thiệp ưu tiên;

- Đưa ra các đề xuất, khuyến nghị cho việc xây dựng Đề án.

b) Cơ quan chủ trì: Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

c) Đơn vị phối hợp: UNAIDS, USCDC, các Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện Pasteur HCM, Pasteur Nha trang, Vệ sinh dịch tễ Tây nguyên và các đơn vị liên quan khác.

d) Thời gian thực hiện: Tháng 02 - 04/2025.

4. Đánh giá đáp ứng đối với HIV/AIDS trong lĩnh vực y tế tại Việt Nam (Review of the Health Sector Response to HIV in Viet Nam).

a) Nội dung đánh giá:

- Tìm hiểu việc tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn về: dự phòng, chăm sóc, điều trị HIV/AIDS, giám sát dịch tễ học HIV/AIDS, theo dõi đánh giá chương trình;

- Đưa ra kiến nghị nâng cao hiệu quả các hoạt động chuyên môn phòng, chống HIV/AIDS trong Đề án.

b) Cơ quan chủ trì: Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

c) Đơn vị phối hợp: WHO, các Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện Pasteur HCM, Pasteur Nha trang, Vệ sinh dịch tễ Tây nguyên và các đơn vị liên quan khác.

d) Thời gian thực hiện: Tháng 02 - 04/2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Phòng, chống HIV/AIDS là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch và báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả thực hiện.

2. Các Vụ, Cục, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp chặt chẽ với Cục Phòng, chống HIV/AIDS triển khai các nội dung theo đúng kế hoạch./.

PHỤ LỤC**HƯỚNG DẪN****ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA
CHẤM DỨT DỊCH BỆNH AIDS ĐẾN NĂM 2030****(GIAI ĐOẠN 2021-2024)***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2024)***Phần 1. Thông tin chung****1. Căn cứ xây dựng hướng dẫn:**

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 14/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 (Sau đây gọi là Chiến lược Quốc gia).

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ngày 09/5/2024 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó giao Bộ Y tế xây dựng “Đề án tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS tiến tới cơ bản chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 và đảm bảo kiểm soát dịch bệnh AIDS không tái bùng phát sau 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án).

Căn cứ Công văn số 7935/VPCP-KGVX ngày 29/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc đồng ý điều chỉnh thời gian trình Chính phủ phê duyệt Đề án sau khi thực hiện đánh giá giữa kỳ thực hiện Chiến lược quốc gia.

Để có cơ sở xây dựng Đề án và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2025, Bộ Y tế tiến hành đánh giá giữa kỳ thực hiện “Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030”.

2. Mục tiêu:

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 (giai đoạn 2021-2024).

2.2. Dự báo khả năng đạt mục tiêu chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030.

2.3. Xác định khó khăn, đề xuất giải pháp, kiến nghị cho Đề án tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS tiến tới cơ bản chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 và đảm bảo kiểm soát dịch bệnh AIDS không tái bùng phát sau 2030.

3. Thời gian thống kê kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia: từ 2021 đến 2024.

4. Thời gian thực hiện đánh giá: 12/2024-2/2025 (không bao gồm thời gian hoàn thiện báo cáo).

5. Đơn vị đầu mối của Bộ Y tế chịu trách nhiệm xây dựng báo cáo tổng hợp: Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

Phần 2. Hướng dẫn đánh giá đối với bộ, ban, ngành

1. Nội dung đánh giá:

1.1. Đơn vị đánh giá việc thực hiện Chiến lược quốc gia theo trách nhiệm được phân công tại Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 14/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030, cụ thể như sau:

1.1.1. Bộ Công an:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, triển khai các biện pháp can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV, các hoạt động dự phòng, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng, chống HIV/AIDS tại các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của bộ.

b) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về phòng, chống ma túy và quản lý an ninh trật tự đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; quản lý địa bàn và xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống HIV/AIDS.

1.1.2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, dự phòng, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS tại các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của bộ; chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra công tác phòng, chống HIV/AIDS cho người lao động tại nơi làm việc; tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ người nhiễm HIV.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách bảo trợ xã hội đối với người nhiễm HIV, người dễ bị lây nhiễm HIV, trẻ em và phụ nữ bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đào tạo nghề và tuyển dụng người lao động bị nhiễm HIV, người dễ bị lây nhiễm HIV, vợ hoặc chồng người nhiễm HIV.

1.1.3. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan bố trí dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện Chiến lược này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn nội dung chi, mức chi phòng, chống HIV/AIDS tại nơi làm việc.

1.1.4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Xem xét, hướng dẫn việc lồng ghép các chỉ tiêu phòng, chống HIV/AIDS vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định.

b) Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động tài chính bao gồm cả xây dựng các đề án vận động các nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế cho phòng, chống HIV/AIDS.

c) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Y tế và các nhà tài trợ thực hiện việc hài hòa hóa các quy trình, thủ tục và cơ chế quản lý chương trình, dự án. Tăng cường công tác điều phối, quản lý các khoản tài trợ quốc tế theo đúng quy định, nâng cao hiệu quả sử dụng.

1.1.5. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, các bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở; chỉ đạo thường xuyên thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền về phòng, chống HIV/AIDS trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở.

1.1.6. Bộ Quốc phòng:

a) Triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS cho cán bộ và chiến sĩ phù hợp với đặc thù của ngành; tăng cường phòng, chống HIV/AIDS cho chiến sĩ mới thông qua chương trình giáo dục phòng, chống HIV/AIDS cho tân binh.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế mở rộng hoạt động mô hình quân dân y kết hợp nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng, chống HIV/AIDS, triển khai tư vấn, chăm sóc, điều trị cho người dân tại các khu vực biên giới, biển đảo, những khu vực có điều kiện đi lại khó khăn.

1.1.7. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên đưa nội dung tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS vào các chương trình thông tin truyền thông; chú trọng đầu tư thích đáng nhằm nâng cao chất lượng nội dung và thời lượng các chương trình về phòng, chống HIV/AIDS.

1.1.8. Bảo hiểm xã hội Việt Nam phối hợp với Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn chi trả các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS qua hệ thống bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành; phối hợp rà soát, sửa đổi một số điều, khoản của Luật Bảo hiểm y tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế.

1.1.9. Các bộ, ngành khác là thành viên Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm, các cơ quan thuộc Chính phủ, có trách nhiệm chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo đặc thù của ngành, đơn vị mình; chủ động đầu tư ngân sách hợp lý cho công tác này.

1.1.10. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp tích cực tham gia triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện Chiến lược theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS; hỗ trợ, giúp đỡ người nhiễm HIV/AIDS tái hòa nhập cộng đồng; tuyên truyền, vận động nhân dân chia sẻ, đồng viên, giảm thiểu sự phân biệt, kỳ thị đối với người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng và xã hội.

1.1.11. Ngoài ra, một số đơn vị trực thuộc Bộ Y tế bao gồm: Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện Pasteur Tp Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh

dịch tễ Tây Nguyên, Bệnh viện Nhi trung ương, Bệnh viện Sản trung ương, Bệnh viện Da Liễu Trung ương, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương, Viện huyết học truyền máu trung ương. Báo cáo các nội dung về việc thực hiện phòng, chống HIV/AIDS theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, xét nghiệm HIV, ứng dụng các kỹ thuật, sinh phẩm xét nghiệm mới, phương pháp lấy mẫu mới trong chẩn đoán nhiễm HIV, xác định những người có hành vi nguy cơ cao để triển khai các biện pháp can thiệp phù hợp phòng lây nhiễm HIV; tình hình đảm bảo chất lượng xét nghiệm HIV thông qua hoạt động nội kiểm, ngoại kiểm, kiểm định chất lượng phòng xét nghiệm. Bảo đảm và duy trì các phòng xét nghiệm tham chiếu quốc gia về HIV/AIDS; giám sát hỗ trợ kỹ thuật, giám sát dịch theo khu vực phụ trách và thực hiện các nghiên cứu khoa học để hỗ trợ cho việc hoạch định chính sách và nâng cao chất lượng xét nghiệm.

1.2. Phân tích các khó khăn, đề xuất các kiến nghị với Chính phủ và Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm về các chủ trương, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống HIV/AIDS trong thời gian tới.

2. Hình thức, thời gian thực hiện:

- Các Bộ, ban, ngành thực hiện theo Mẫu báo cáo số 1. Khung mẫu báo cáo của bộ, ban, ngành;

- Các cơ quan trực thuộc Bộ Y tế thực hiện theo Mẫu báo cáo số 3. Khung mẫu báo cáo của đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;

- Báo cáo bằng văn bản về Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS) trước ngày 25/01/2025 để tổng hợp.

3. Đơn vị thực hiện báo cáo:

- Bộ, ban, ngành bao gồm: Bộ Công An, Bộ Lao động- Thương Binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội Vụ, Bộ Tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban dân tộc, Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương đoàn thanh niên cộng sản HCM, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

- Một số đơn vị trực thuộc Bộ Y tế bao gồm: Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện Pasteur Tp Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, Bệnh viện Nhi trung ương, Bệnh viện Sản trung ương, Bệnh viện Da Liễu Trung ương, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương, Viện huyết học truyền máu trung ương.

Phần 3. Hướng dẫn đánh giá đối với địa phương

1. Nội dung đánh giá:

1.1. Bối cảnh chung và đánh giá tình hình dịch HIV/AIDS:

- Mô tả những đặc điểm nổi bật về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội nói chung tại địa phương; cơ hội và thách thức, thuận lợi, khó khăn trong giai đoạn thực hiện Chiến lược quốc gia từ năm 2020 đến nay;

- Phân tích đặc điểm quần thể, yếu tố nguy cơ và tình hình dịch HIV/AIDS tại địa phương, căn cứ các nguồn số liệu:

+ Giám sát dịch tễ học HIV/AIDS theo Thông tư số 07/2023/TT-BYT ngày 4/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn quy trình, phương pháp giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các bệnh lây truyền qua đường tình dục;

+ Báo cáo kết quả hoạt động phòng chống HIV/AIDS theo Thông tư số 05/2023/TT-BYT ngày 10/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định chế độ báo cáo định kỳ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS;

+ Các nguồn số liệu báo cáo, điều tra, nghiên cứu của địa phương.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của chiến lược

- So sánh chỉ tiêu của địa phương với chỉ tiêu của Chiến lược đến năm 2025;

- Tính toán chỉ tiêu của địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Bộ Y tế.

1.3. Kết quả thực hiện các nhóm giải pháp của chiến lược:

1.3.1. Báo cáo kết quả theo từng nhóm giải pháp của chiến lược (bao gồm phân tích khó khăn, đề xuất giải pháp), cụ thể:

a) Nhóm giải pháp về chính trị, xã hội:

- Kết quả hoạt động tăng cường thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đối với công tác phòng, chống HIV/AIDS tại địa phương;

- Kết quả hoạt động của Ban chỉ đạo Phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm của địa phương;

- Kết quả hoạt động phối hợp liên ngành;

- Kết quả hoạt động huy động cộng đồng tham gia phòng, chống HIV/AIDS;

- Kết quả hoạt động hỗ trợ xã hội;

- Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

b) Nhóm giải pháp về pháp luật, chế độ chính sách:

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, kế hoạch, chế độ chính sách liên quan công tác phòng, chống HIV/AIDS trong giai đoạn 2021-2024;

- Kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS;

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra xử phạt hành vi vi phạm về phòng, chống HIV/AIDS;

- Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

c) Nhóm giải pháp về dự phòng lây nhiễm HIV:

- Kết quả đạt được về hoạt động truyền thông;

- Giảm kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV;
- Kết quả đạt được về hoạt động việc triển khai các biện pháp can thiệp giảm tác hại;
 - Kết quả việc huy động và tham gia của người nhiễm HIV, người có hành vi nguy cơ cao, các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng tham gia công tác phòng, chống HIV/AIDS;
 - Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.
- d) Nhóm giải pháp về tư vấn xét nghiệm HIV:
 - Kết quả thực hiện hoạt động xét nghiệm sàng lọc HIV;
 - Kết quả nâng cao năng lực và mở rộng mạng lưới cơ sở xét nghiệm;
 - Kết quả đảm bảo chất lượng xét nghiệm;
 - Kết quả tăng cường kết nối chuyên gửi sau xét nghiệm;
 - Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.
- e) Nhóm giải pháp điều trị, chăm sóc người nhiễm HIV:
 - Kết quả mở rộng độ bao phủ thực hiện công tác chăm sóc và điều trị ARV;
 - Kết quả nâng cao chất lượng điều trị HIV/AIDS;
 - Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.
- g) Nhóm giải pháp giám sát dịch HIV, theo dõi, đánh giá và nghiên cứu khoa học:
 - Kết quả việc triển khai thu thập, tổng hợp số liệu hoạt động phòng, chống HIV/AIDS định kỳ; các hoạt động nâng cao chất lượng dữ liệu và sử dụng số liệu cho xây dựng chính sách;
 - Kết quả việc thiết lập và triển khai hệ thống giám sát ca bệnh từ khi xác định nhiễm HIV, tham gia điều trị, chuyển đổi cơ sở điều trị, chất lượng và tuân thủ điều trị, tử vong;
 - Kết quả duy trì hoạt động giám sát trọng điểm;
 - Kết quả hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong triển khai các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS;
 - Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.
- h) Kết quả thực hiện nhóm giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng, chống HIV/AIDS:
 - Báo cáo kết quả việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cảnh báo sớm, kiểm soát và đáp ứng y tế công cộng, quản lý người nhiễm HIV, điều trị HIV/AIDS, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;
 - Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

i) Nhóm giải pháp về về bảo đảm tài chính:

- Kinh phí đầu tư cho công tác phòng, chống HIV/AIDS; việc phê duyệt và cấp kinh phí theo đề án đảm bảo tài chính;
- Kết quả việc mở rộng điều trị HIV do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả;
- Kết quả huy động và sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ quốc tế cho phòng, chống HIV/AIDS;
- Huy động và tham gia của người nhiễm HIV, người có hành vi nguy cơ cao, các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng tham gia công tác phòng, chống HIV/AIDS;
- Kiểm tra, giám sát việc phân bổ nguồn kinh phí địa phương cho phòng, chống HIV/AIDS;
- Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

k) Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực:

- Việc tổ chức, chỉ đạo, bố trí nhân lực và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi địa phương quản lý;
- Kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ kỹ thuật để củng cố và tăng cường năng lực mạng lưới phòng, chống HIV/AIDS các tuyến tại địa phương;
- Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

l) Nhóm giải pháp về cung ứng:

- Báo cáo hoạt động bảo đảm đủ thuốc, sinh phẩm, vật dụng can thiệp và trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống HIV/AIDS;
- Báo cáo hoạt động tăng cường quản lý bảo đảm chất lượng thuốc, sinh phẩm, đẩy mạnh triển khai hoạt động theo dõi cảnh giác dược;
- Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

m) Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế:

- Báo cáo kết quả hợp tác với các tổ chức quốc tế, song phương, đa phương, đồng thời huy động sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho phòng, chống HIV/AIDS;
- Các địa phương có đường biên giới, báo cáo hoạt động phối hợp phòng chống HIV/AIDS qua biên giới;
- Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

1.3.2. Địa phương sử dụng nguồn dữ liệu để báo cáo:

- Thông tư số 05/2023/TT-BYT ngày 10/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định chế độ báo cáo định kỳ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS;
- Báo cáo, điều tra, nghiên cứu của địa phương;

- Tham khảo hướng dẫn phân tích báo cáo tình hình dịch HIV và kết quả hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo Công văn số 1046/AIDS-GSXN ngày 04/9/2024 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

2. Hình thức, thời gian thực hiện:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo Mẫu báo cáo số 02. Khung mẫu báo cáo của địa phương;

- Báo cáo bằng văn bản về Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS) trước ngày 25/01/2025 để tổng hợp.

3. Đơn vị thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (63 tỉnh, thành phố).

Phần 4. Đánh giá do Cục Phòng, chống HIV/AIDS (Bộ Y tế) thực hiện:

1. Xây dựng báo cáo tổng hợp “Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS đến năm 2030 (giai đoạn 2021-2024)”

1.1. Nội dung:

- Tính toán các chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia (theo Phụ lục 1. Danh sách chỉ tiêu của chiến lược, nguồn số liệu và đơn vị đầu mỗi thu thập, báo cáo);

- Tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động của các Bộ, ban, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Xây dựng dự thảo báo cáo tổng hợp; Xin ý kiến (lồng ghép với lấy ý kiến Đề án) và hoàn thiện báo cáo.

1.2. Thời gian thực hiện: Tháng 02 - 04/2025.

2. Cập nhật ước tính và dự báo dịch HIV/AIDS:

2.1. Nội dung: Phối hợp với UNAIDS để thực hiện ước tính và dự báo dịch HIV/AIDS ở Việt Nam năm 2024 nhằm:

- Ước tính tỷ lệ hiện nhiễm, dự báo chiều hướng dịch trong quần thể dân cư nói chung cũng như các nhóm quần thể có nguy cơ cao, tác động của dịch HIV/AIDS;

- Dự báo khả năng đạt mục tiêu chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030; đề xuất kịch bản “chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030” và lựa chọn can thiệp ưu tiên;

- Đưa ra các đề xuất, khuyến nghị cho việc xây dựng Đề án.

2.2. Thời gian thực hiện: Tháng 02- 03/2025.

2.3. Đơn vị phối hợp: UNAIDS, USCDC, các Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện Pasteur HCM, Pasteur Nha trang, Vệ sinh dịch tễ Tây nguyên và các đơn vị liên quan khác.

3. Thực hiện “Đánh giá đáp ứng đối với HIV/AIDS trong lĩnh vực y tế tại Việt Nam (*Review of the Health Sector Response to HIV in Viet Nam*)”:

3.1. Nội dung:

- Tìm hiểu việc tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn về: dự phòng, chăm sóc, điều trị HIV/AIDS, giám sát dịch tễ học HIV/AIDS, theo dõi đánh giá chương trình;

- Đưa ra kiến nghị nâng cao hiệu quả các hoạt động chuyên môn phòng, chống HIV/AIDS trong Đề án;

3.2. Thời gian thực hiện: Tháng 02 - 04/2025.

3.3. Đơn vị phối hợp: WHO, các Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện Pasteur HCM, Pasteur Nha trang, Vệ sinh dịch tễ Tây nguyên và các đơn vị liên quan khác.

**DANH SÁCH CHỈ TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC, NGUỒN SỐ LIỆU
VÀ ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI THU THẬP, BÁO CÁO**

1	Nhóm chỉ tiêu tác động	Chỉ tiêu đến 2025	Chỉ tiêu đến 2030	Nguồn số liệu/Phương pháp thu thập	Đơn vị đầu mối thực hiện
a	Số người nhiễm HIV được phát hiện mới	NA	<1.000	Giám sát phát hiện (Thông tư số 07/2023) ¹	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
b	Tỷ lệ người nhiễm HIV tử vong liên quan tới HIV/AIDS trên 100.000 dân	NA	<1,0/100.000	Giám sát ca bệnh (Thông tư số 07/2023)	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
c	Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con xuống dưới 2% vào năm 2030	NA	<2%	Số liệu ước tính dự báo	Cục PC HIV/AIDS
2	Nhóm chỉ tiêu dự phòng				
d	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được tiếp cận dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV đạt 70% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030	70%	80%	Giám sát trọng điểm (Thông tư số 07/2023)	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
đ	Tỷ lệ người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế và các loại thuốc, bài thuốc đạt ít nhất 40% vào năm 2025 và đạt ít nhất 50% vào năm 2030	40%	50%	Báo cáo Thông tư số 05/2023 ² và số liệu ước tính quần thể	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
e	Tỷ lệ người MSM được điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng thuốc (PrEP) đạt 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030	30%	40%	Báo cáo Thông tư số 05/2023 và số liệu ước tính quần thể	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
g	Tỷ lệ thanh niên 15-24 tuổi có hiểu biết đầy đủ về HIV/AIDS đạt 80% vào năm 2030	NA	80%	Nghiên cứu chuyên biệt hoặc sử dụng	- Cục PC HIV/AIDS

¹ Thông tư số 07/2023 ngày 4/4/2023 của BYT về hướng dẫn quy trình, phương pháp giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

² Thông tư số 05/2023 ngày 10/3/2023 quy định chế độ báo cáo định kỳ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

				kết quả điều tra đã được triển khai	- UBND tỉnh/thành phố
h	Tỷ lệ người dân 15-49 tuổi không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV đạt 80% vào năm 2030	NA	80%	Nghiên cứu chuyên biệt hoặc sử dụng kết quả điều tra đã được triển khai	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
3	Nhóm chỉ tiêu về xét nghiệm				
i	Tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình đạt 90% vào năm 2025 và 95% vào năm 2030	90%	95%	Báo cáo Thông tư số 07/2023 ³ và số liệu ước tính quần thể	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
k	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được XN HIV hằng năm đạt 70% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030	70%	80%	Giám sát trọng điểm (Thông tư số 07/2023)	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
4	Nhóm chỉ tiêu về điều trị				
l	Tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV đạt 90% năm 2025 và đạt 95% năm 2030	90%	95%	Giám sát ca bệnh (Thông tư số 07/2023)	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
m	Tỷ lệ người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng HIV dưới ngưỡng ức chế đạt ít nhất 95% qua các năm	95%	95%	Giám sát ca bệnh (Thông tư số 07/2023)	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
n	Tỷ lệ BN đồng nhiễm HIV/Lao được điều trị đồng thời cả ARV và Lao đạt 92% vào năm 2025 và đạt 95% vào năm 2030	92%	95%	Báo cáo Thông tư số 05/2023	- Cục PC HIV/AIDS - UBND tỉnh/thành phố
o	Tỷ lệ bệnh nhân đồng nhiễm HIV/viêm gan C được điều trị đồng thời ARV và Viêm gan C đạt	50%	75%	Báo cáo Thông tư số 05/2023	- Cục PC HIV/AIDS

³ Thông tư số 05/2023 ngày 10/3/2023 quy định chế độ báo cáo định kỳ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

	50% trở lên vào năm 2025 và 75% trở lên vào năm 2030					- UBND tỉnh/thành phố
5	Nhóm chỉ tiêu hệ thống y tế					
p	Năm 2021, 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có kế hoạch hoặc đề án bảo đảm tài chính thực hiện mục tiêu chấm dứt dịch AIDS và phân bổ ngân sách địa phương hằng năm cho phòng, chống HIV/AIDS theo kế hoạch được phê duyệt.	100%	100%	Báo cáo của địa phương		UBND tỉnh/thành phố
q	Phấn đấu 100% người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế.	100%	100%	Báo cáo của địa phương		UBND tỉnh/thành phố
r	Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị cho công tác phòng, chống HIV/AIDS.	Đáp ứng	Đáp ứng	Báo cáo của địa phương		UBND tỉnh/thành phố
s	100% số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hệ thống thu thập số liệu đạt chất lượng để theo dõi tình hình dịch và đánh giá hiệu quả các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.	100%	100%	Báo cáo của địa phương		UBND tỉnh/thành phố

MẪU BÁO CÁO SỐ 1
KHUNG MẪU BÁO CÁO CỦA BỘ, BAN, NGÀNH

I. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, kế hoạch liên quan công tác phòng, chống HIV/AIDS trong giai đoạn 2021-2024:

TT	Tên/Hình thức văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu văn bản
1			
2			
3			

- Thống kê văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, kế hoạch liên quan công tác phòng, chống HIV/AIDS trong giai đoạn 2021-2024 do đơn vị ban hành.

- Đánh giá việc ban hành văn bản, công tác phổ biến triển khai, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện.

II. Đánh giá hoạt động của Ban chỉ đạo Phòng, chống AIDS và phòng, chống ma túy, mại dâm của Bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương và theo ngành dọc:

- Kết quả hoạt động của Ban chỉ đạo Phòng, chống AIDS và phòng, chống ma túy, mại dâm của đơn vị;

- Những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai (tổ chức, bộ máy, nhân lực, kinh phí) và đề xuất giải pháp.

III. Đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động theo phân công trách nhiệm tại Quyết định số 1246/QĐ-TTg:

1. Tình hình triển khai và kết quả đạt được đối chiếu với trách nhiệm của đơn vị.

2. Đánh giá kinh phí chi cho thực hiện trách nhiệm của đơn vị bao gồm cả kinh phí từ các nguồn viện trợ huy động được.

3. Phân tích các khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện trách nhiệm của đơn vị.

IV. Đề xuất, kiến nghị xây dựng Đề án tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS tiến tới chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030

1. Đề xuất các ưu tiên, giải pháp trong Đề án.

2. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ và Ủy ban quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm về các chủ trương, mục tiêu và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống HIV/AIDS trong thời gian tới.

MẪU BÁO CÁO SỐ 2
KHUNG MẪU BÁO CÁO CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên đơn vị:

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
QUỐC GIA CHẤM DỨT DỊCH BỆNH AIDS VÀO NĂM 2030
(GIAI ĐOẠN 2021-2024)

(Dành cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

A. BỐI CẢNH CHUNG VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HIV/AIDS

1. Bối cảnh chung:

Mô tả những đặc điểm nổi bật về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội nói chung tại địa phương; cơ hội và thách thức, thuận lợi, khó khăn trong giai đoạn thực hiện Chiến lược quốc gia từ năm 2021 đến nay.

2. Phân tích tình hình dịch HIV tại địa phương (*Phân tích theo Hướng dẫn tại Công văn số 1046/AIDS-GSXN ngày 04/9/2024*):

2.1. Số liệu dịch lũy tích đến thời điểm báo cáo:

- Cung cấp kết quả tại Bảng 1;
- Tóm tắt kết quả tình hình dịch HIV lũy tích tại tỉnh.

2.2. Phân bố số người nhiễm HIV còn sống trên địa bàn quận/ huyện

- Cung cấp kết quả tại Bảng 2;
- Tóm tắt nhận định về người nhiễm trên địa bàn quận/ huyện.

2.3. Phân bố người nhiễm HIV theo giới tính, đường lây truyền, nhóm đối tượng, theo nhóm tuổi

- Cung cấp kết quả tại Bảng 3, 4, 5, 6;
- Tóm tắt nhận định về người nhiễm HIV theo giới tính, đường lây truyền, nhóm đối tượng, theo nhóm tuổi trên địa bàn quận/ huyện.

2.4. Số liệu giám sát trọng điểm HIV (nếu tỉnh có thực hiện)

2.5. Nhận định về tình hình dịch HIV tại địa phương và dự báo dịch HIV giai đoạn 2025-2030.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC TẠI ĐỊA PHƯƠNG⁴

1	Nhóm chỉ tiêu tác động	Kết quả của địa phương	Chỉ tiêu đến 2025	Chỉ tiêu đến 2030	Nguồn số liệu/Phương pháp thu thập
a	Số người nhiễm HIV được phát hiện mới		NA	<1.000	Giám sát phát hiện (Thông tư số 07/2023) ⁵
b	Tỷ lệ người nhiễm HIV tử vong liên quan tới HIV/AIDS trên 100.000 dân		NA	<1,0/100.000	Giám sát ca bệnh (Thông tư số 07/2023)
2	Nhóm chỉ tiêu dự phòng				
d	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được tiếp cận dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV đạt 70% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030		70%	80%	Giám sát trọng điểm (Thông tư số 07/2023)
đ	Tỷ lệ người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế và các loại thuốc, bài thuốc đạt ít nhất 40% vào năm 2025 và đạt ít nhất 50% vào năm 2030		40%	50%	Báo cáo Thông tư số 05/2023 ⁶ và số liệu ước tính quần thể
e	Tỷ lệ người MSM được điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng thuốc (PrEP) đạt 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030		30%	40%	Báo cáo Thông tư số 05/2023 và số liệu ước tính quần thể
g	Tỷ lệ thanh niên 15-24 tuổi có hiểu biết đầy đủ về HIV/AIDS đạt 80% vào năm 2030		NA	80%	Nghiên cứu chuyên biệt hoặc sử dụng kết quả điều tra đã được triển khai
h	Tỷ lệ người dân 15-49 tuổi không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV đạt 80% vào năm 2030		NA	80%	Nghiên cứu chuyên biệt hoặc sử dụng kết quả điều tra đã được triển khai
3	Nhóm chỉ tiêu về xét nghiệm				
i	Tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình đạt 90% vào năm 2025 và 95% vào năm 2030		90%	95%	Báo cáo Thông tư số 07/2023 và số liệu ước tính quần thể

⁴ Phương pháp tính chỉ tiêu thực hiện theo hướng dẫn của Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Bộ Y tế.

⁵ Thông tư số 07/2023 ngày 4/4/2023 của BYT về hướng dẫn quy trình, phương pháp giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

⁶ Thông tư số 05/2023 ngày 10/3/2023 quy định chế độ báo cáo định kỳ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

k	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được XN HIV hằng năm đạt 70% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030		70%	80%	Giám sát trọng điểm (Thông tư số 07/2023)
4	Nhóm chỉ tiêu về điều trị				
l	Tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV đạt 90% năm 2025 và đạt 95% năm 2030		90%	95%	Giám sát ca bệnh (Thông tư số 07/2023)
m	Tỷ lệ người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng HIV dưới ngưỡng ức chế đạt ít nhất 95% qua các năm		95%	95%	Giám sát ca bệnh (Thông tư số 07/2023)
n	Tỷ lệ BN đồng nhiễm HIV/Lao được điều trị đồng thời cả ARV và Lao đạt 92% vào năm 2025 và đạt 95% vào năm 2030		92%	95%	Báo cáo Thông tư số 05/2023
o	Tỷ lệ bệnh nhân đồng nhiễm HIV/viêm gan C được điều trị đồng thời ARV và Viêm gan C đạt 50% trở lên vào năm 2025 và 75% trở lên vào năm 2030		50%	75%	Báo cáo Thông tư số 05/2023
5	Nhóm chỉ tiêu hệ thống y tế				
p	Năm 2021, 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có kế hoạch hoặc đề án bảo đảm tài chính thực hiện mục tiêu chấm dứt dịch AIDS và phân bổ ngân sách địa phương hằng năm cho phòng, chống HIV/AIDS theo kế hoạch được phê duyệt.		100%	100%	Báo cáo của địa phương
q	Phần đầu 100% người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế.		100%	100%	Báo cáo của địa phương
r	Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị cho công tác phòng, chống HIV/AIDS.		Đáp ứng	Đáp ứng	Báo cáo của địa phương
s	100% số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hệ thống thu thập số liệu đạt chất lượng để theo dõi tình hình dịch và đánh giá hiệu quả các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.		100%	100%	Báo cáo của địa phương

C. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP CỦA CHIẾN LƯỢC (GIAI ĐOẠN 2021-2024)⁷

I. Nhóm giải pháp về chính trị, xã hội

1. Kết quả hoạt động tăng cường thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đối với công tác phòng, chống HIV/AIDS.
2. Kết quả hoạt động của Ban chỉ đạo Phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm của địa phương.
3. Kết quả hoạt động phối hợp liên ngành:
 - Sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp và sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành ở địa phương và giữa địa phương với các cơ quan Trung ương trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược Quốc gia;
 - Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền ở các địa phương đối với công tác phòng, chống HIV/AIDS; đưa công tác phòng, chống HIV/AIDS trở thành mục tiêu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
 - Đánh giá việc các cấp chính quyền địa phương đưa hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
4. Kết quả hoạt động huy động cộng đồng tham gia phòng, chống HIV/AIDS.
5. Kết quả hoạt động hỗ trợ xã hội.
6. Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

II. Nhóm giải pháp về pháp luật, chế độ chính sách

1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, kế hoạch, chế độ chính sách liên quan công tác phòng, chống HIV/AIDS trong giai đoạn 2021-2024:

TT	Tên/Hình thức văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu văn bản	Đơn vị ban hành
1				
2				
3				

- Thống kê văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, kế hoạch, chế độ chính sách liên quan công tác phòng, chống HIV/AIDS trong giai đoạn 2020-2024 do tỉnh/thành phố ban hành;

- Đánh giá việc ban hành văn bản, công tác phổ biến triển khai, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện.

2. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra xử phạt hành vi vi phạm về phòng, chống HIV/AIDS.

⁷ Tham khảo Công văn số 1046/AIDS-GSXN ngày 04/9/2024 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS về hướng dẫn phân tích báo cáo tình hình dịch HIV và kết quả hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

3. Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

III. Nhóm giải pháp về dự phòng lây nhiễm HIV

1. Kết quả đạt được về hoạt động truyền thông:

- Báo cáo kết quả và đánh giá việc triển khai công tác thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi các hành vi có nguy cơ giai đoạn 2021-2024, bao gồm: (i) về các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông phòng, chống HIV/AIDS đã được triển khai (nội dung, hình thức), sự phù hợp và hiệu quả của các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông; (ii) về hoạt động của tuyên truyền viên đồng đẳng, và nhân viên cộng đồng, vấn đề lồng ghép đội ngũ tuyên truyền viên gắn liền với đội ngũ cộng tác viên y tế thôn, bản và cán bộ các ban, ngành, đoàn thể ở cơ sở xã, phường;

- Hạn chế, nguyên nhân và các giải pháp đề xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Giảm kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV:

- Kết quả hoạt động Giảm kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV thông qua đổi mới hình thức, thông điệp truyền thông phòng, chống HIV/AIDS, huy động người nhiễm HIV và người thuộc nhóm có hành vi nguy cơ cao tham gia vào các hoạt động truyền thông;

- Kết quả hoạt động nâng cao kiến thức về giảm kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV tại gia đình, cộng đồng, nơi học tập, nơi làm việc;

- Kết quả hoạt động khuyến khích sự tham gia của các nhóm cộng đồng, người nhiễm HIV vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và theo dõi giám sát việc thực hiện các hoạt động giảm kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV;

- Hạn chế, nguyên nhân và các giải pháp đề xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động.

3. Kết quả đạt được về hoạt động việc triển khai các biện pháp can thiệp giảm tác hại:

Báo cáo kết quả và đánh giá việc triển khai các biện pháp can thiệp giảm hại: (i) Mức độ bao phủ các hoạt động can thiệp giảm hại; (ii) Mức độ tiếp cận chương trình của các nhóm nguy cơ cao; (iii) Hiệu quả của các biện pháp can thiệp; (v) Hạn chế, nguyên nhân và các giải pháp đề xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động của các chương trình sau:

- Chương trình bơm kim tiêm; chương trình bao cao su;

- Chương trình Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

- Dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng thuốc ARV (PrEP) cho các nhóm có hành vi nguy cơ cao qua hệ thống y tế nhà nước và tư nhân;

- Triển khai điều trị dự phòng sau phơi nhiễm HIV bằng thuốc ARV (PEP);

- Thí điểm và mở rộng triển khai các can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV phù hợp trong nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng;

- Cung cấp dịch vụ khám và điều trị phối hợp các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục cho các nhóm có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV qua quan hệ tình dục;

- Các mô hình/sáng kiến mới trong can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV; mô hình cung cấp dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV toàn diện, liên tục, kết nối với các dịch vụ y tế và hỗ trợ xã hội khác.

- *Thống kê các hoạt động can thiệp giảm hại theo Bảng 7, 8, 9.*

4. Kết quả việc huy động và tham gia của người nhiễm HIV, người có hành vi nguy cơ cao, các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng tham gia công tác phòng, chống HIV/AIDS.

- Kết quả việc huy động và tham gia của các tổ chức cộng đồng, nhóm cộng đồng trong phòng, chống HIV/AIDS;

- Hạn chế, nguyên nhân và các giải pháp đề xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động.

IV. Nhóm giải pháp về tư vấn xét nghiệm HIV

1. Kết quả thực hiện hoạt động xét nghiệm sàng lọc HIV:

- Báo cáo kết quả đa dạng hóa dịch vụ tư vấn và xét nghiệm HIV. Kết quả hoạt động tư vấn xét nghiệm theo các hình thức: xét nghiệm tại cơ sở y tế, xét nghiệm tại cộng đồng, tự xét nghiệm...;

- Số người có kết quả xét nghiệm khẳng định dương tính tại tỉnh và được chuyển gửi điều trị thành công: giai đoạn 2021-2024, từ đầu năm đến thời điểm báo cáo;

- Thống kê theo *Bảng 10* các nội dung: Hoạt động tư vấn xét nghiệm;

- Kết quả triển khai các mô hình tư vấn xét nghiệm HIV phù hợp với từng nhóm có hành vi nguy cơ cao, Thống kê theo *Bảng 11*;

- Báo cáo việc ứng dụng các kỹ thuật, sinh phẩm xét nghiệm mới, phương pháp lấy mẫu mới trong chẩn đoán nhiễm HIV. Đối với những địa phương thực hiện xét nghiệm nhiễm mới, thống kê theo *Bảng 12, Bảng 13*.

2. Kết quả nâng cao năng lực và mở rộng mạng lưới cơ sở xét nghiệm:

Báo cáo kết quả mở rộng các phòng xét nghiệm được phép khẳng định HIV, đặc biệt là ở tuyến huyện, khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa.

3. Kết quả đảm bảo chất lượng xét nghiệm:

- Đánh giá kết quả xây dựng các phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia;

- Kết quả hoạt động và đảm bảo chất lượng xét nghiệm thông qua các hoạt động nội kiểm, ngoại kiểm.

4. Kết quả tăng cường kết nối chuyển gửi sau xét nghiệm:

Báo cáo kết quả chuyển gửi thành công người nhiễm HIV từ dịch vụ tư vấn xét nghiệm HIV đến dịch vụ chăm sóc, điều trị bằng thuốc kháng vi rút HIV.

5. Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

V. Nhóm giải pháp điều trị, chăm sóc người nhiễm HIV

1. Kết quả thực hiện mở rộng độ bao phủ thực hiện công tác chăm sóc và điều trị ARV:

- Kết quả điều trị ARV qua các năm: Báo cáo số liệu tại *Bảng 14*;

- Báo cáo kết quả việc triển khai công tác chăm sóc và điều trị: (i) Mức độ bao phủ dịch vụ điều trị ARV theo các khu vực địa lý; (ii) Đánh giá tính phù hợp và tính khả thi đối với các hướng dẫn chuyên môn trong công tác chăm sóc và điều trị; (iii) Đánh giá chất lượng chăm sóc và điều trị HIV/AIDS; (iv) Đánh giá tiến độ thực hiện mục tiêu 90% thứ hai; (v) Đánh giá thực hiện mục tiêu 90% thứ ba;

- Báo cáo kết quả việc mở rộng điều trị HIV/AIDS tại các trại giam, trại tạm giam, nhà giam giữ, cơ sở bắt buộc, trường giáo dưỡng, các cơ sở chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội, các tổ chức tôn giáo, tổ chức xã hội và các tổ chức hợp pháp khác;

- Báo cáo kết quả việc huy động sự tham gia của y tế tư nhân trong điều trị HIV/AIDS;

- Kết quả việc phân cấp điều trị HIV/AIDS về tuyến y tế cơ sở, mở rộng chăm sóc và điều trị HIV/AIDS tại tuyến xã, chăm sóc người bệnh HIV/AIDS tại nhà, tại cộng đồng;

- Kết quả điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con:

+ Cung cấp số liệu tại *Bảng 15* về kết quả điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con trong 5 năm trở lại thể hiện 3 chỉ số: Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm PCR lần 1, số trẻ có kết quả PCR dương tính, tỷ lệ trẻ nhiễm;

+ Báo cáo kết quả việc triển khai công tác dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: (i) công tác xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai; (ii) tính phù hợp và khả thi các dịch vụ điều trị dự phòng HIV lây nhiễm HIV từ mẹ sang con; (iii) Hiệu quả hoạt động dự phòng lây truyền từ mẹ sang con;

+ Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và các giải pháp đề xuất.

- Kết quả dự phòng, phát hiện và điều trị các bệnh đồng nhiễm với HIV:

+ Báo cáo kết quả triển khai công tác điều trị dự phòng Lao/HIV: Cung cấp số liệu tại *Bảng 16*; Báo cáo việc triển khai công tác điều trị dự phòng Lao/HIV: Đánh giá tính phù hợp và tính khả thi đối với các hướng dẫn chuyên môn trong phối hợp Lao/HIV: Ban điều phối, kế hoạch phối hợp, triển khai kế hoạch, giám sát và báo cáo;

+ Báo cáo chương trình phòng, chống các bệnh nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục: (i) Về xây dựng mạng lưới giám sát các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục; (ii) Về tăng cường chẩn đoán, điều trị các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục, tăng cường đào tạo cán bộ; thực hiện giám sát các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STIs); quản lý STIs trong các nhóm đối tượng có nguy cơ cao;

- Báo cáo mạng lưới cơ sở dịch vụ tại tỉnh tại *Bảng 17*.

2. Kết quả nâng cao chất lượng điều trị HIV/AIDS:

- Đánh giá việc cập nhật các hướng dẫn chăm sóc và điều trị HIV/AIDS theo các khuyến cáo mới, thực hiện phác đồ điều trị HIV/AIDS, cung cấp dịch vụ điều trị phù hợp với tình trạng người bệnh, theo dõi, hỗ trợ tuân thủ điều trị HIV/AIDS;

- Báo cáo các hoạt động cải thiện chất lượng điều trị HIV/AIDS;

- Báo cáo các hoạt động dự phòng và giám sát HIV kháng thuốc.

3. Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

VI. Nhóm giải pháp giám sát dịch HIV, theo dõi, đánh giá và nghiên cứu khoa học:

- Đánh giá việc triển khai thu thập, tổng hợp số liệu hoạt động phòng, chống HIV/AIDS định kỳ; các hoạt động nâng cao chất lượng dữ liệu và sử dụng số liệu cho xây dựng chính sách;

- Đánh giá việc thiết lập và triển khai hệ thống giám sát ca bệnh tại địa phương;

- Đánh giá kết quả triển khai chương trình giám sát trọng điểm;

- Triển khai các nghiên cứu khoa học: số nghiên cứu khoa học đã thực hiện, lĩnh vực nghiên cứu;

- Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

VII. Kết quả thực hiện nhóm giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng, chống HIV/AIDS:

- Báo cáo kết quả việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cảnh báo sớm, kiểm soát và đáp ứng y tế công cộng, quản lý người nhiễm HIV, điều trị HIV/AIDS, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

- Thống kê việc triển khai sử dụng HIV/INFO thực hiện giám sát ca bệnh, báo cáo định kỳ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo *Bảng 18*;

- Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và các giải pháp đề xuất.

VIII. Nhóm giải pháp về bảo đảm tài chính:

1. Kinh phí đầu tư cho công tác phòng, chống HIV/AIDS:

- Báo cáo việc bố trí kinh phí hằng năm cho việc tổ chức thực hiện các nội dung của Chiến lược (bao gồm kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác);

STT	Nguồn kinh phí (đơn vị tính: triệu đồng)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng
I	Ngân sách trong nước					
1	Ngân sách trung ương					
2	Ngân sách địa phương					
3	Bảo hiểm y tế					
4	Nguồn Xã hội hóa					
II	Nguồn viện trợ quốc tế					
1	Nguồn tài trợ song phương					
2	Nguồn tài trợ đa phương					
	Tổng cộng					

- Báo cáo việc phê duyệt và cấp kinh phí theo Đề án đảm bảo tài chính;

- Những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc bố trí kinh phí thực hiện Chiến lược; và nêu các giải pháp đề xuất;

2. Kết quả việc mở rộng điều trị HIV do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả. Thống kê báo cáo theo *Bảng 19*.

3. Kết quả huy động và sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ quốc tế cho phòng, chống HIV/AIDS.

4. Huy động và tham gia của người nhiễm HIV, người có hành vi nguy cơ cao, các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng tham gia công tác phòng, chống HIV/AIDS.

Đánh giá việc huy động và tham gia của các tổ chức cộng đồng, nhóm cộng đồng trong phòng, chống HIV/AIDS và phân tích các khó khăn trong quá trình thực hiện.

5. Kết quả kiểm tra, giám sát việc phân bổ nguồn kinh phí địa phương cho phòng, chống HIV/AIDS.

6. Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

IX. Nhóm giải pháp về nguồn lực:

1. Báo cáo việc tổ chức, chỉ đạo, bố trí nhân lực và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi địa phương quản lý.

- Vấn đề nhân lực: Số lượng (trình độ, đào tạo, tập huấn), chất lượng, cơ cấu (tỷ trọng nhân lực lĩnh vực chuyên môn, lĩnh vực quản lý...), chế độ chính sách đãi ngộ, các giải pháp khuyến khích làm việc lâu dài, Thống kê báo cáo tại *Bảng 20*.

2. Kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ kỹ thuật để củng cố và tăng cường năng lực mạng lưới phòng, chống HIV/AIDS các tuyến tại địa phương.

3. Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

X. Nhóm giải pháp về cung ứng:

- Báo cáo hoạt động bảo đảm đủ thuốc, sinh phẩm, vật dụng can thiệp và trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống HIV/AIDS.

- Báo cáo hoạt động tăng cường quản lý bảo đảm chất lượng thuốc, sinh phẩm, đẩy mạnh triển khai hoạt động theo dõi cảnh giác dược.

- Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

XI. Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế:

- Báo cáo kết quả hợp tác với các tổ chức quốc tế, song phương, đa phương, đồng thời huy động sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho phòng, chống HIV/AIDS (báo cáo theo tên dự án, nguồn tài trợ, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện, mục tiêu dự án và kết quả triển khai).

- Các địa phương có đường biên giới, báo cáo hoạt động phối hợp phòng chống HIV/AIDS qua biên giới.

- Nhận định kết quả, phân tích khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm giải pháp.

D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS TIẾN TỚI CHẤM DỨT DỊCH BỆNH AIDS VÀO NĂM 2030

1. Đề xuất các ưu tiên trong Đề án:

2. Đề xuất các giải pháp thực hiện Đề án:

3. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan

Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ và Bộ, ngành về các chủ trương, mục tiêu và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống HIV/AIDS trong thời gian tới.

- Đề xuất với Chính phủ:

- Đề xuất với Bộ Y tế:

- Đề xuất với các Bộ ngành khác (Bộ Lao động thương binh xã hội, Bộ Công An,...).

Ngày tháng.... năm

LÃNH ĐẠO PHÊ DUYỆT

(kí và ghi rõ họ và tên)

BẢNG BIỂU KÈM THEO BÁO CÁO ĐỊA PHƯƠNG**Bảng 1- Tình hình dịch HIV tại tỉnh/thành phố.....đến 12/2024**

STT	Tên chỉ số	Kết quả	Thời gian lấy số liệu	Nguồn số liệu
1	Số lũy tích người nhiễm HIV toàn tỉnh			
2	Số người nhiễm HIV còn sống tính đến thời điểm báo cáo			
3	Số người tử vong lũy tích			
4	Số người nhiễm HIV còn sống/100.000 dân			
5	Ước tính số người nhiễm HIV			Theo công văn số 421/AIDS-GSXN ngày 14/4/2023 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS

Bảng 2- Phân bố số người nhiễm HIV còn sống trên địa bàn quận/ huyện

Đơn vị: số người

Quận/ huyện	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Quận/ Huyện....				
Quận/ Huyện....				
Quận/ Huyện....				
Quận/ Huyện....				

Bảng 3 - Phân bố người nhiễm HIV còn sống theo giới tính

Giới tính	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
Nam								
Nữ								

Bảng 4 - Phân bố số người nhiễm HIV theo đường lây truyền

Đường lây truyền	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
Lây qua đường máu								

Lây qua đường QHTD								
Lây qua mẹ truyền sang con								
Không rõ								
Tổng								

Bảng 5 - Phân bố số người nhiễm HIV theo nhóm đối tượng

Nhóm đối tượng	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
Nghiện chích ma túy								
Phụ nữ bán dâm								
Nam quan hệ tình dục nam giới (MSM)								
Vợ, chồng, bạn tình, bạn chích của người nhiễm HIV								
Phụ nữ mang thai								
Khác								
Tổng								

Bảng 6 - Phân bố người nhiễm HIV theo nhóm tuổi

Nhóm tuổi	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
0-14								
15-29								
30-39								
40-49								
50+								
Tổng								

Bảng 7 – Thống kê độ bao phủ hoạt động can thiệp giảm hại cho các nhóm nguy cơ cao

Nội dung	2021			2022			2023			2024		
	PNBD	NCMT	MSM	PNBD	NCMT	MSM	PNBD	NCMT	MSM	PNBD	NCMT	MSM
Số ước tính/ số người quản lý												
Số người làm xét nghiệm HIV												
Số người nhận dịch vụ can thiệp giảm hại												

Bảng 8- Kết quả điều trị MMT qua các năm

Điều trị MMT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số người đang điều trị MMT				
Số bệnh nhân MMT bỏ trị				

Bảng 9 – Kết quả điều trị PrEP qua các năm

Điều trị PrEP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu PrEP (số người)				
Kết quả thực hiện chỉ tiêu PrEP (số người)				
Số KH điều trị PrEP ít nhất 1 lần				
Số KH đang điều trị PrEP				
Số KH điều trị PrEP mới				

dp

Bảng 10 – Thống kê hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số lượt được xét nghiệm HIV qua các năm				
Số người có kết quả xét nghiệm khẳng định dương tính tại tỉnh				
Số người có kết quả xét nghiệm khẳng định dương tính tại tỉnh và được chuyển gửi điều trị thành công				
Số bạn tình/bạn chích được chia sẻ				
Số bạn tình/bạn chích được xét nghiệm				
Số bạn tình/bạn chích được dự phòng PrEP				

Bảng 11- Số lượt xét nghiệm HIV và kết quả xét nghiệm dương tính trên các nhóm đối tượng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượt xét nghiệm	Số lượt người có KQ HIV (+)	Số lượt xét nghiệm	Số lượt người có KQ HIV (+)	Số lượt xét nghiệm	Số lượt người có KQ HIV (+)	Số lượt xét nghiệm	Số lượt người có KQ HIV (+)
1	Người sử dụng ma túy								
2	Người bán dâm								
3	MSM								
4	Người chuyển đổi giới tính								
5	Vợ, chồng, bạn tình, bạn chích của người nhiễm HIV								
6	Phụ nữ mang thai								

7	Bệnh nhân lao								
8	Can phạm, phạm nhân								
9	Bệnh nhân mắc các nhiễm trùng LTQĐTD								
10	Thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự								
11	Các đối tượng khác								
12	Trẻ em dưới 15 tuổi								
	Tổng								

Bảng 12- Kết quả triển khai xét nghiệm nhiễm mới qua các năm

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số người có kết quả dương tính tại tỉnh				
Số mẫu có yêu cầu làm xét nghiệm nhiễm mới				
Số mẫu thực hiện xét nghiệm nhiễm mới				
Số mẫu nhiễm mới – (Recent – RTRI)				
Số mẫu nhiễm mới đã thực hiện xét nghiệm tải lượng virus				
Số ca nhiễm mới được ghi nhận - RITA				

Bảng 13 - Phân bố ca nhiễm mới RITA theo địa chỉ hiện tại

Đơn vị tính: số ca

Quận/huyện	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Huyện....				
Huyện....				

b

Huyện....				
Huyện....				

Bảng 14 – Tình hình điều trị ARV qua các năm

TT	Đối tượng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số BN đang điều trị				
2	Số BN mới điều trị ARV				
3	Số BN được làm XN TLVR				
4	Tỷ lệ BN có TLVR dưới ngưỡng ức chế/ BN được làm XN TLVR				

Bảng 15 – Kết quả điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

TT	Đối tượng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm PCR lần 1				
2	Số trẻ có kết quả PCR dương tính				

Bảng 16 - Kết quả triển khai công tác điều trị dự phòng Lao/HIV

TT	Đối tượng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số BN mới bắt đầu điều trị ARV				
2	Số BN mới bắt đầu điều trị ARV được điều trị Lao tiềm ẩn				
3	Tỷ lệ				

Bảng 17- Số lượng cơ sở cung cấp dịch vụ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

TT	Cơ sở cung cấp dịch vụ	2021	2022	2023	2024
1	Số cơ sở điều trị ARV				
2	Số cơ sở tư vấn xét nghiệm HIV				
3	Số cơ sở cấp phát thuốc MMT				
4	Số cơ sở điều trị PrEP				

Bảng 18 – Triển khai sử dụng HIV/INFO thực hiện giám sát ca bệnh, báo cáo định kỳ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

STT	Đơn vị	Chức năng	Sử dụng HIVINFO		Phần mềm điều trị (nếu có)	Tiến độ triển khai	Rà soát trùng lặp sau khi kết nối
			Có	Không			
1	CDC tỉnh	Giám sát					
2	TTYT huyện...	Xét nghiệm sàng lọc					
3	Bệnh viện....	Xét nghiệm khẳng định					
4	Cơ sở y tế khác	Điều trị ARV					
5						

Bảng 19 – Số người đang điều trị ARV có thẻ bảo hiểm y tế theo các mức chi trả

STT	Nội dung báo cáo	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số người đang điều trị ARV đến cuối kỳ báo cáo				
2	Số người đang điều trị ARV đến cuối kỳ báo cáo có thẻ BHYT được chi trả 100% chi phí khám, chữa bệnh				
3	Số người đang điều trị ARV đến cuối kỳ báo cáo có thẻ BHYT được chi trả 95% chi phí khám, chữa bệnh				
4	Số người đang điều trị ARV đến cuối kỳ báo cáo có thẻ BHYT được chi trả 80% chi phí khám, chữa bệnh				

Bảng 20-Nguồn nhân lực cho công tác phòng, chống HIV/AIDS tại địa phương

TT	Nội dung	Năm 2024
I	Cấp tỉnh	
	Sở Y tế	
1	Tổng số cán bộ của Sở Y tế	
2	Số cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ Phòng, chống HIV/AIDS/ Khoa phòng, chống HIV/AIDS	
3	Trong số cán bộ thực hiện nhiệm vụ PC HIV/AIDS, trình độ của cán bộ:	

a	Giáo sư, Phó giáo sư (số người)	
b	Tiến sỹ, CKII (số người)	
c	Thạc sỹ, BS nội trú, CKI	
d	Đại học	
e	Cao đẳng	
g	Khác	
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh/ Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên và Hải Dương	
1	Tổng số cán bộ của Sở Y tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	
2	Số cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ Phòng, chống HIV/AIDS/ Khoa phòng, chống HIV/AIDS	
3	Trong số cán bộ thực hiện nhiệm vụ PC HIV/AIDS, trình độ của cán bộ:	
a	Giáo sư, Phó giáo sư (số người)	
b	Tiến sỹ, CKII (số người)	
c	Thạc sỹ, BS nội trú, CKI	
d	Đại học	
e	Cao đẳng	
g	Khác	
II	Cấp huyện	
1	Tổng số cán bộ của TTYT huyện	
2	Số cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ Phòng, chống HIV/AIDS	
3	Trong số cán bộ thực hiện nhiệm vụ PC HIV/AIDS, trình độ của cán bộ:	
a	Giáo sư, Phó giáo sư (số người)	
b	Tiến sỹ, CKII (số người)	
c	Thạc sỹ, BS nội trú, CKI	
d	Đại học	
e	Cao đẳng	
g	Khác	
III	Cấp xã	
1	Tổng số cán bộ của TTYT huyện	
2	Số cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ Phòng, chống HIV/AIDS	
3	Trong số cán bộ thực hiện nhiệm vụ PC HIV/AIDS, trình độ của cán bộ:	
	<i>Ghi rõ trình độ và số lượng</i>	

MẪU BÁO CÁO SỐ 3
KHUNG MẪU BÁO CÁO CỦA MỘT SỐ CƠ QUAN THUỘC BỘ Y TẾ

BỘ Y TẾ
Tên đơn vị:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
QUỐC GIA CHẤM DỨT DỊCH BỆNH AIDS VÀO NĂM 2030
(GIAI ĐOẠN 2021-2024)

(Dành cho 04 Viện: Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện Pasteur Tp Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây nguyên, Bệnh viện Nhi trung ương, Bệnh viện Sản trung ương, Bệnh viện Da Liễu trung ương, Bệnh viện bệnh Nhiệt đới trung ương, Viện huyết học truyền máu trung ương)

I. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, kế hoạch liên quan công tác phòng, chống HIV/AIDS trong giai đoạn 2021-2024

TT	Tên/Hình thức văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu văn bản	Hiệu lực của văn bản
1				
2				
3				

- Thống kê văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, kế hoạch liên quan công tác phòng, chống HIV/AIDS trong giai đoạn 2021-2024 do đơn vị ban hành;

- Đánh giá việc ban hành văn bản, công tác phổ biến triển khai, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện.

II. Đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động về phòng, chống HIV/AIDS

1. Tình hình triển khai và kết quả đạt được đối chiếu với trách nhiệm của đơn vị:

- Báo cáo thực hiện phòng, chống HIV/AIDS theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

- Báo cáo tình hình thực hiện xét nghiệm HIV, ứng dụng các kỹ thuật, sinh phẩm xét nghiệm mới, phương pháp lấy mẫu mới trong chẩn đoán nhiễm HIV, xác định những người có hành vi nguy cơ cao để triển khai các biện pháp can thiệp phù hợp phòng lây nhiễm HIV;

- Báo cáo tình hình đảm bảo chất lượng xét nghiệm HIV thông qua hoạt động nội kiểm, ngoại kiểm, kiểm định chất lượng phòng xét nghiệm. Bảo đảm và duy trì các phòng xét nghiệm tham chiếu quốc gia về HIV/AIDS;

- Báo cáo việc giám sát hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh, thành phố theo khu vực phụ trách;

- Báo cáo việc thực hiện các nghiên cứu khoa học để hỗ trợ cho việc hoạch định chính sách và nâng cao chất lượng xét nghiệm;

- Báo cáo việc giám sát dịch theo khu vực phụ trách.

2. Đánh giá kinh phí chi cho thực hiện trách nhiệm của đơn vị bao gồm cả kinh phí từ các nguồn viện trợ huy động được.

3. Phân tích các khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện trách nhiệm của đơn vị.

III. Đề xuất, kiến nghị xây dựng Đề án tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS tiến tới chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030

1. Đề xuất các ưu tiên, giải pháp trong Đề án.

2. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ và Ủy ban quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm về các chủ trương, mục tiêu và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống HIV/AIDS trong thời gian tới.